

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10/7/2025

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Đệ.
2. Bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thu Thảo.

Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố HN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Doãn Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 10/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố HN xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 244/2025/TLST–HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2025. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị V, sinh năm 1992.

Nơi thường trú: Xóm G, xã CL, huyện ĐA, Thành phố HN – Nay là xóm G, xã ĐA, Thành phố HN

Nơi ở: Thôn LT, xã MT, huyện SS, Thành phố HN – Nay là thôn LT, xã KA, Thành phố HN.

Nghề nghiệp: Tự do.

phiên tòa.

Có mặt tại

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Kim B, sinh năm 1986.

Nơi thường trú: Xóm G, xã CL, huyện ĐA, Thành phố HN – Nay là xóm G, xã ĐA, Thành phố HN.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam NK, xã N V, huyện HL, tỉnh NB – Nay là Trại giam NK, xã N V, tỉnh NB.

Xin vắng mặt tại phiên
tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Bà Bùi Thị V trình bày:**

- Về tình cảm: Bà V và ông Nguyễn Kim B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/02/2020 tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện ĐA, Thành phố HN. Trước khi ông bà kết hôn ông B đã có vợ và đã ly hôn. Trước khi đăng ký kết hôn thì bà V và ông B đã chung sống với nhau từ năm 2015, đến năm 2020 mới đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà chung sống tại xóm G, xã CL, huyện ĐA, Thành phố HN.

Quá trình chung sống ông bà sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông B nợ nần ở bên ngoài nhiều, không có khả năng trả nợ, nên hai vợ chồng xảy ra cãi vã thường xuyên. Đến đầu năm 2023 do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên bà V đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở thôn LT, xã MT, huyện SS, Thành phố HN – Nay là thôn LT, xã KA, Thành phố HN để ở và vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Sau này ông B phạm tội và phải đi chấp hành án tại Trại giam NK thì bà V cũng không nắm được, thời gian ông B đi chấp hành án thì vợ chồng ông bà đã không chung sống với nhau từ trước đó rồi.

Nay bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà V có nguyện vọng được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Ông bà có hai con chung là Nguyễn Kim MQ, sinh ngày 28/7/2016 và Nguyễn Kim MA, sinh ngày 07/8/2018. Hiện các cháu đều có sức khỏe tốt và đang ở với bà V. Sau khi ly hôn, bà V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Ngoài các vấn đề trên, bà V không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề nào khác.

*** Bị đơn – Ông Nguyễn Kim B trình bày:**

- Về tình cảm: Ông B nhất trí như bà V trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống cùng nhau tại xóm G, xã CL, huyện ĐA, Thành phố HN. Quá trình chung sống thì hai vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và không còn tình cảm với nhau. Nay bà V xin ly hôn ông B cũng đồng ý ly hôn với bà V.

- Về con chung: Ông bà có hai con chung là Nguyễn Kim MQ, sinh ngày 28/7/2016 và Nguyễn Kim MA, sinh ngày 07/8/2018. Hiện các cháu đều có sức khỏe tốt và đều đang ở với bà V. Sau khi ly hôn, ông B đồng ý giao cả hai con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, do hiện nay ông B không có điều kiện chăm sóc các con.

Về cấp dưỡng nuôi con, ông B và bà V tự thỏa thuận và không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông B không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do hiện nay ông B đang chấp hành án tại Trại giam NK, nên ông B xin được vắng mặt trong quá trình Toà án giải quyết và tại phiên tòa xét xử vụ án. Ông B vẫn giữ nguyên lời khai trong bản tự khai của ông B và không có ý kiến gì thay đổi.

Ngoài ra ông B không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa:

+ Bà Bùi Thị V trình bày:

Bà V vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án. Hiện nay bà V và ông B đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Ông B hiện nay đang chấp hành án Trại giam NK, bà V đã về nhà mẹ đẻ sinh sống tại thôn LT, xã MT, huyện SS, Thành phố HN – Nay là thôn LT, xã KA, Thành phố HN.

Ông bà đã mâu thuẫn từ lâu và quá trầm trọng, đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần, tuy nhiên cuộc sống vợ chồng không thể cải thiện được, mâu thuẫn càng ngày càng căng thẳng. Nay bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, bà V đề nghị Tòa án giải quyết cho bà V được ly hôn với ông B.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Kim MQ, sinh ngày 28/7/2016 và Nguyễn Kim MA, sinh ngày 07/8/2018. Hiện các cháu đều có sức khỏe tốt và đều đang ở với bà V. Sau khi ly hôn, bà V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ông Nguyễn Kim B hiện đang chấp hành án tại Trại Giam NK, ông B có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

+ ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 phát biểu ý kiến:***

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Về thẩm quyền thụ lý và quan hệ pháp luật giải quyết, về xác định tư cách pháp lý đối với các đương sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử, về việc tổng đạt các văn bản tố tụng, về việc tiến hành thu thập chứng cứ đều đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng theo trình tự pháp luật quy định.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đã chấp hành tốt pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị V đối với ông Nguyễn Kim B.

Về con chung: Bà V và ông B có 02 con chung là Nguyễn Kim MQ, sinh ngày 28/7/2016 và Nguyễn Kim MA, sinh ngày 07/8/2018. Hiện các cháu đều có sức khỏe tốt và đều đang ở với bà V. Sau khi ly hôn giao cả hai con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà V và ông B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà V và ông B đều không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí: Bà V phải chịu án phí không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Bùi Thị V và ông Nguyễn Kim B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện ĐA, Thành phố HN, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2020 ngày 08/02/2020. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông bà xảy ra mâu thuẫn, bà V có đơn xin ly hôn với ông B. Bà V và ông B cùng có địa chỉ nơi cư trú tại xã CL, huyện ĐA, Thành phố HN – Nay là xã ĐA, Thành phố HN. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố HN, quan hệ pháp luật là “Ly hôn”.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tình cảm:

Bà Bùi Thị V và ông Nguyễn Kim B sau khi kết hôn sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do ông B nọ nân bên ngoài, bên cạnh đó còn do tính cách vợ chồng không phù hợp với nhau, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, bà V xin được ly hôn với ông B.

Ông Nguyễn Kim B cũng xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không còn tình cảm với nhau. Bà V xin ly hôn thì ông B cũng đồng ý.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà V và ông B là có thực. Sau khi kết hôn ông bà sống chung hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, cả hai ông bà đều không có biện pháp gì để khắc phục được mâu thuẫn và cải thiện mối quan hệ để vợ chồng quay về đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng ông B bà V không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy việc bà V xin ly hôn ông B là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Bà V và ông B có 02 con chung là Nguyễn Kim MQ, sinh ngày 28/7/2016 và Nguyễn Kim MA, sinh ngày 07/8/2018. Hiện các cháu đều có sức khỏe tốt và đều đang ở với bà V.

Bà V và ông B đều thống nhất sau khi ly hôn giao cả hai con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Nên Hội đồng xét xử giao cả hai con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 7/2025 cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà V và ông B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Bà V và ông B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do vậy nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Bùi Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị V.

Bà Bùi Thị V được ly hôn ông Nguyễn Kim B.

2. Về con chung: Xác nhận bà Bùi Thị V và ông Nguyễn Kim B có 02 con chung là Nguyễn Kim MQ, sinh ngày 28/7/2016 và Nguyễn Kim MA, sinh ngày 07/8/2018. Sau khi ly hôn, giao cả hai con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng kể

từ tháng 7/2025 cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà V và ông B đều không yêu cầu giải quyết, nên Toà án không xem xét giải quyết.

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị V và ông Nguyễn Kim B đều không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Bùi Thị V phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0072214, ký hiệu BLTU/23 ngày 29/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐA. Xác nhận bà V đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Bà Bùi Thị V có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Kim B có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 7, HN;
- THA Khu vực 7, HN;
- TAND Thành phố HN;
- UBND X.CL, H.ĐA,
TP.HN – Nay là UBND xã
ĐA, TP HN (GCNKH
số 32, Quyển số 01-2002 ngày
29/3/2002);
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Thu Huyền

